

Số: 220 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách cấp Tỉnh cho ngân sách xã, phường năm 2025 để chi hỗ trợ Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động Công an cấp xã những tháng còn lại năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 1663/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Tháp năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đồng Tháp.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 5281/STC-QLNS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc tham mưu kinh phí hỗ trợ Công an cấp xã từ dự toán còn lại khi kết thúc hoạt động Công an cấp huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung có mục tiêu năm 2025 từ nguồn ngân sách cấp tỉnh (sử dụng từ nguồn kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ khác năm 2025 (kinh phí còn lại của ngân sách cấp huyện trước khi sắp xếp) cho ngân sách các xã, phường, với tổng số tiền là 13.560.000.000 đồng (chi tiết theo phụ lục đính kèm) để chi hỗ trợ Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động Công an cấp xã những tháng còn lại năm 2025 như đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 5281/STC-QLNS ngày 17 tháng 12 năm 2025.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm về pháp lý đối với các số liệu, nội dung báo cáo và đề xuất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính thông báo, cấp kinh phí và hướng dẫn các địa phương thực hiện theo quy định và theo thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường được bổ sung kinh phí, chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán số kinh phí được bổ sung nêu trên đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm triển khai kịp thời đúng quy định; đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định; không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực HĐND Tỉnh (báo cáo);
- Đảng ủy UBND Tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSĩ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025
 (kèm theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh)
 Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Stt	Tên xã, phường	Số khóm, ấp	Số kinh phí	Ghi chú
1	Xã Tân Hồng	13	150.000	Xã Biên giới
2	Xã Tân Thành	11	150.000	Xã Biên giới
3	Xã Tân Hộ Cơ	7	150.000	Xã Biên giới
4	Xã An Phước	7	120.000	
5	Xã Thường Phước	12	150.000	Xã Biên giới
6	Xã Long Khánh	9	120.000	
7	Xã Long Phú Thuận	11	120.000	
8	Xã An Hòa	8	120.000	
9	Xã Tam Nông	8	120.000	
10	Xã Phú Thọ	12	120.000	
11	Xã Tràm Chim	9	120.000	
12	Xã Phú Cường	11	120.000	
13	Xã An Long	16	120.000	
14	Xã Thanh Bình	14	120.000	
15	Xã Tân Thạnh	7	120.000	
16	Xã Bình Thành	9	120.000	
17	Xã Tân Long	21	150.000	
18	Xã Tháp Mười	14	120.000	
19	Xã Thanh Mỹ	8	120.000	
20	Xã Mỹ Quý	16	120.000	
21	Xã Đốc Bình Kiều	9	120.000	
22	Xã Trường Xuân	10	120.000	
23	Xã Phương Thịnh	12	120.000	
24	Xã Phong Mỹ	11	120.000	
25	Xã Ba Sao	13	120.000	
26	Xã Mỹ Thọ	17	120.000	
27	Xã Bình Hàng Trung	15	120.000	
28	Xã Mỹ Hiệp	15	120.000	
29	Xã Mỹ Hưng	18	120.000	
30	Xã Tân Khánh Trung	17	120.000	
31	Xã Lấp Vò	23	150.000	
32	Xã Lai Vung	20	150.000	
33	Xã Hòa Long	24	150.000	

Stt	Tên xã, phường	Số khóm, ấp	Số kinh phí	Ghi chú
34	Xã Phong Hòa	25	150.000	
35	Xã Tân Dương	15	120.000	
36	Xã Phú Hựu	31	150.000	
37	Xã Tân Nhuận Đông	22	150.000	
38	Xã Tân Phú Trung	24	150.000	
39	Xã Tân Phú	14	120.000	
40	Xã Thanh Hưng	12	120.000	
41	Xã An Hữu	15	120.000	
42	Xã Mỹ Lợi	12	120.000	
43	Xã Mỹ Đức Tây	14	120.000	
44	Xã Mỹ Thiện	11	120.000	
45	Xã Hậu Mỹ	12	120.000	
46	Xã Hội Cư	17	120.000	
47	Xã Cái Bè	18	120.000	
48	Xã Mỹ Thành	19	120.000	
49	Xã Thạnh Phú	13	120.000	
50	Xã Bình Phú	21	150.000	
51	Xã Long Tiên	29	150.000	
52	Xã Ngũ Hiệp	18	120.000	
53	Xã Hiệp Đức	22	150.000	
54	Xã Tân Phước 1	13	120.000	
55	Xã Tân Phước 2	12	120.000	
56	Xã Tân Phước 3	16	120.000	
57	Xã Hưng Thạnh	15	120.000	
58	Xã Tân Hương	16	120.000	
59	Xã Châu Thành	18	120.000	
60	Xã Long Hưng	23	150.000	
61	Xã Long Định	25	150.000	
62	Xã Bình Trung	21	150.000	
63	Xã Vĩnh Kim	18	120.000	
64	Xã Kim Sơn	12	120.000	
65	Xã Mỹ Tịnh An	20	150.000	
66	Xã Lương Hòa Lạc	19	120.000	
67	Xã Tân Thuận Bình	27	150.000	
68	Xã Chợ Gạo	18	120.000	
69	Xã An Thạnh Thủy	23	150.000	

Stt	Tên xã, phường	Số khóm, ấp	Số kinh phí	Ghi chú
70	Xã Bình Ninh	24	150.000	
71	Xã Vĩnh Bình	19	120.000	
72	Xã Đồng Sơn	13	120.000	
73	Xã Phú Thành	11	120.000	
74	Xã Long Bình	13	120.000	
75	Xã Vĩnh Hựu	10	120.000	
76	Xã Gò Công Đông	19	120.000	
77	Xã Tân Điền	11	120.000	
78	Xã Tân Hòa	17	120.000	
79	Xã Tân Đông	23	150.000	
80	Xã Gia Thuận	25	150.000	
81	Xã Tân Thới	19	120.000	Xã Đảo
82	Xã Tân Phú Đông	16	120.000	Xã Đảo
83	Phường Mỹ Tho	36	150.000	
84	Phường Đạo Thạnh	29	150.000	
85	Phường Mỹ Phong	20	150.000	
86	Phường Thới Sơn	17	150.000	
87	Phường Trung An	20	150.000	
88	Phường Gò Công	18	150.000	
89	Phường Long Thuận	13	150.000	
90	Phường Bình Xuân	13	150.000	
91	Phường Sơn Qui	18	150.000	
92	Phường An Bình	11	150.000	
93	Phường Hồng Ngự	18	150.000	Phường Biên giới
94	Phường Thường Lạc	12	150.000	Phường Biên giới
95	Phường Cao Lãnh	49	150.000	
96	Phường Mỹ Ngãi	16	150.000	
97	Phường Mỹ Trà	16	150.000	
98	Phường Sa Đéc	32	150.000	
99	Phường Mỹ Phước Tây	18	150.000	
100	Phường Thanh Hòa	13	150.000	
101	Phường Cai Lậy	15	150.000	
102	Phường Nhị Quý	12	150.000	
	Cộng	1.703	13.560.000	